TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/DS-PT
Ngày: 09/3/2021
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hằng

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Chí Sang

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm – Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 474/2020/DSPT ngày 05/10/ 2020 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 595/2021/QĐPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 490/43/7 Lý Thái Tổ, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đình X – Văn phòng luật sư T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

2. Bị đơn: Ông Lương Trọng N , sinh năm 1984;

Địa chỉ: 257/5/10 đường 3/2, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thanh T , sinh năm: 1985 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/12/2019). (Có mặt).

Địa chỉ: 65 Ngô Quyền, Phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị K, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: 530/7/8 Đường Tỉnh Lộ 10, Khu phố 16, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở: 260/2/13 Phan Anh, phường H , quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T, bị đơn ông Lương Trọng N .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/12/2019 nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà Trần Thị Thu T tham gia các dây hụi do bà Dương Thị K mở từ năm 2005, có khi bà K cũng tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi. Sau đó bà T bị bệnh thường xuyên phải về quê nên hai bên kết thúc việc chơi hụi vào ngày 10/12/2018 và bà T đã xác nhận còn nợ bà K số tiền hụi là 57.500.000 đồng. Ngoài ra bà T còn ký hợp đồng vay của bà K số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 22/7/2016.

Bà T và bà K có thoả thuận, trong các giao dịch vay nợ và hụi giữa bà T và bà K, về phía bà T thì có con dâu bà T là Vy, về phía bà K thì có con trai là ông Lương Trọng N có thể giao dịch thay khi có yêu cầu.

Ông Lương Trọng N có nhận của bà T hai lần với số tiền 350.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 21/8/2017 ông N viết giấy ghi nội dung "*Nhân đã nhận số tiền 200 triệu đồng của chị Trang ngày 21/8/2017"*

- Ngày 13/02/2018, ông N đến nhà bà T nhận tiền nhưng bà T không có ở nhà, con dâu của bà T tên V thay bà T đưa cho ông N 150.000.000 đồng. Sau đó theo yêu cầu của bà T , ông N phải nhắn tin xác nhận đã nhận của bà T 150.000.000 đồng, nội dung: *"hôm nay ngày 13 tháng 2 năm 2018. Nhân có nhận của chị T 150 triệu"*.

Khoản tiền 200.000.000 đồng ông N nhận của bà T ngày 21/08/2017 và khoản tiền 150.000.000 đồng ông N xác nhận qua tin nhắn điện thoại đã nhận của bà T ngày 13/02/2018 không liên quan gì đến tiền hụi mà là khoản tiền bà T đưa cho ông N trả cho bà K để trừ vào số tiền bà T vay của bà K theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/07/2016 (theo yêu cầu trả nợ của bà K). Tuy nhiên bà K đã khởi kiện đòi nợ bà T theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/07/2016 và đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X. Trong vụ án này bà K không đề cập đến số tiền 350.000.000 đồng mà bà T đã đưa cho ông N (khi đó bà T vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không cung cấp được chứng cứ). Bản án tuyên buộc bà T phải trả cho bà K 356.981.492 đồng bao gồm: Tiền gốc là 275.250.000 đồng; tiền lãi 21.675.937 đồng và nợ hụi gốc là 57.500.000 đồng; tiền lãi hụi 2.555.555 đồng)

Do đó bà T yêu cầu ông N và bà K liên đới trả lại số tiền 350.000.000 đồng ông N đã nhận của bà T .

Bị đơn ông Lương Trọng N do bà Phạm Thị Thanh T đại diện trình bày:

Ông N thừa nhận Giấy ghi *"Nhân đã nhận số tiền 200 triệu đồng của chị Trang ngày 21/08/2017"* là do ông N viết và ký tên nhưng chữ *"Nhân"* đầu tiên, 03 chữ cuối và con số *"254.500"* sau cùng không biết do ai điền thêm vào.

Lý do ông N viết giấy nhận tiền ngày 21/08/2017 là do bà K (là mẹ của ông N) có tham gia dây hụi do bà T làm chủ. Dây hụi mở ngày 01/09/2017, số tiền hốt của dây hụi này là 254.500.000 đồng. Ngày 21/08/2017 bà T cho bà K ứng trước tiền hốt hụi của dây hụi này là 200.000.000 đồng (thay vì 254.500.000 đồng). Ông N nhận thay bà K nên ghi giấy ngày 21/08/2017 cho bà T . Ông N xác nhận lần giao số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 21/8/2017 là do con dâu của bà T tên V là người trực tiếp đưa cho ông N và ông N có viết giấy đưa lại cho bà V giữ có nội dung *"Nhân đã nhận số tiền 200 triệu đồng của chị Trang ngày 21/08/2017"*. Chữ *"Nhân"* đầu tiên, 03 chữ cuối và con số *"254.500"* sau cùng sau đó được điền thêm chứ lúc ông N viết là trên tờ giấy trắng, ông N chỉ viết 01 bản giao cho bà V , bản thân ông N không giữ bản nào.

Giấy ông N cung cấp dòng đầu có ghi *"chị Thanh đóng hụi 01/9/2017…"* sau đó ghi *"1/9/2017 hốt hụi 5 triệu 25 ngàn giao rồi 254.500.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm ngàn)"*. Chữ viết trên giấy này hoàn toàn của bà T . Bà T giao tiền hốt hụi cho bà K 254.500.000 đồng nên có ghi *"giao rồi 254.500.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm ngàn)"*. Trong số tiền giao rồi 254.500.000 đồng thể hiện trên giấy này bao gồm 200.000.000 đồng ông N thay bà K nhận ứng trước của bà T ngày 21/08/2017 và có ghi giấy cho bà T như đã trình bày.

Trong các giấy đề ngày 01/4/2017, ngày 01/9/2017, ngày 06/10/2017, ngày 01/12/2017, ngày 01/02/2018, ngày 01/7/2018, ngày 10/3/2018 do chính bà T nộp đều có nội dung ông N đã nhận 7.500.000 đồng tiền lời của bà T . Những tài liệu này đã chứng tỏ đến thời điểm tháng 07/2018, bà T vẫn trả số tiền lãi hàng tháng là 7.500.000 đồng trên số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng. Điều này mâu thuẫn với việc bà T cho rằng bà T đã trả hết số tiền nợ gốc cho bà K vào ngày 13/02/2018 vì nếu đã trả nợ gốc thì không thể đóng tiếp tiền lãi.

Tờ giấy ghi dây hụi khui ngày 01/8/2017, do bà T viết ngày 01/3/2018, có nội dung thể hiện: bà T phải giao cho bà K số tiền 297.000.000 đồng, nhưng ngày 12/02/2018 đã giao trước 150.000.000 đồng cho ông N . Số tiền 150.000.000 đồng này chính là số tiền mà ông N đã nhắn tin cho bà T vào ngày 13/02/2018.

Ông N là con của bà K nên hay đại diện cho bà K giao nhận tiền hụi với bà T chứ ông N không có giao dịch gì với bà T . Ngày 21/08/2017 ông N nhận thay bà K tiền hốt hụi ứng trước 200.000.000 đồng nên ghi giấy cho bà T . Bà K và bà T đã tất toán việc chơi hụi với nhau và đã chốt lại theo giấy chốt hụi ngày 10/12/2018 do bà T lập. Tranh chấp về hụi và nợ giữa bà T và bà K được giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X. Do đó ông N không chấp nhận trả số tiền 350.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị K trình bày:

Ông N là con của bà K, vào ngày 21/08/2017 ông N có nhận tiền bà T ứng trước cho bà K số tiền là 200.000.000 đồng. Đây là số tiền bà T cho bà K ứng trước mà lẽ ra đến ngày 01/09/2017 bà K mới được hốt hụi với số tiền là 254.500.000 đồng. Do đó để ghi chú về việc này, chính bà T đã viết tay số tiền 254.500.000 đồng vào tờ giấy ông N ghi nhận 200.000.000 đồng để lưu ý (chứng cứ mà bà T nộp cho Tòa án), số tiền này trùng khớp với số tiền ghi trong sổ hụi bà T lập cho bà K.

Suốt quá trình bà K chơi hụi qua lại với bà T , ông N thường thay bà K đi thu tiền và nhận tiền với bà T . Các lần nhận tiền ông N đều ghi lại giấy cho bà T giữ.

Bà K và bà T đã tất toán việc chơi hụi với nhau và đã chốt lại theo giấy chốt hụi ngày 10/12/2018 do bà T lập. Theo đó bà T đã xác nhận còn nợ bà K số tiền hụi là 57.500.000 đồng. Tranh chấp về khoản nợ vay và về tiền hụi giữa bà K và bà T đã được giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X. Ông N không liên quan gì đến tranh chấp giữa bà T và bà K được giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X. Vì vậy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không đưa ông N vào tham gia tố tụng.

Từ khi vay tiền theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/07/2016, bà T không hề trả cho bà K một khoản tiền nào nên bà K mới khởi kiện bà T đòi nợ. Do bà T không trả nợ nên không thể có việc ông N thay bà K nhận tiền bà T trả nợ. Ông N chỉ đi giao nhận tiền với bà T liên quan đến các số tiền chơi hụi giữa bà K với bà T .

Tại bản án số 247/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

"1. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T.*

Ông Lương Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu T số tiền nhận ngày 13/02/2018 là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Việc trả tiền được thực hiện một lần tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lương Trọng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. *Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu T về yêu cầu ông Lương Trọng N phải trả số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo giấy đề ngày 21/08/2017".*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2020 và ngày 07/9/2020 bị đơn ông Lương Trọng N và nguyên đơn bà Trần Thị Thu T có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận X.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn không rút kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày nội dung và căn cứ kháng cáo: Bà T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với phần Quyết định của bản án "không chấp nhận yêu cầu của bà T đòi lại số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/8/2017". Lý do kháng cáo: Tòa án suy đoán số tiền 200.000.000 đồng này là do ông N nhận tiền ứng trước là suy đoán không có căn cứ, bởi lẽ hụi kỳ 01/9/2019 bà K phải đóng cho bà T với số tiền là 30.595.000 đồng, chữ "giao rồi" đi liền kề cùng dòng với bà K đóng hụi nên thể hiện bà K giao tiền hụi. Số tiền 254.000.000 đồng và 200.000.000 đồng có sự khác biệt về giá trị, thời gian, người giao, người nhận nên không có căn cứ xác định là tiền ứng trước tiền hụi.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà K công nhận ông N đã giao tiền cho bà K nên bà K phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà T .

Mặt khác, theo tờ kết toán ngày 10/12/2018 thì bà T còn nợ bà K tiền hụi tháng 10,11,12/2018 là 50.000.000.000 đồng và 01 tháng tiền lời là 7.500.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm cho rằng bà T trả tiền lời không đầy đủ là không đúng.

Yêu cầu tòa phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T , buộc ông N trả cho bà số tiền 350.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lương Trọng N do bà Phạm Thị Thanh T là đại diện theo uỷ quyền trình bày nội dung và căn cứ kháng cáo:

Ông Lương Trọng N kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm tuyên "chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T. Ông Lương Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nhận vào ngày 13/02/2018 là 150.000.000 đồng".

Lý do kháng cáo: Bà T cho rằng đến ngày 13/02/2018 đã trả hết nợ cho bà K theo hợp đồng vay tiền ngày 22/7/2016 nhưng đến ngày 10/3/2018, 01/4/2018, 01/5/2018, 01/6/2018, 01/7/2018, 01/8/2018 bà T vẫn đóng lãi đủ cho khoản vay 300.000.000 đồng là mâu thuẫn. Nhận định của Toà án cấp sơ thẩm (tại mục 2.5 của bản án) về việc bà T giải thích về việc số tiền lãi chưa trả đủ theo thoả thuận nên sau khi bà T đã trả hết nợ gốc và vẫn trả thêm một vài tháng tiền lãi là không thuyết phục

Ngày 10/12/2018, bà T và bà K chốt lại số tiền nợ hụi giữa hai bên mà không chốt tiền trả nợ và lãi cho khoản vay 300.000.000 đồng là bất hợp lý vì nếu hai bên đã hoàn tất việc trả nợ thì bà T phải thu hồi hoặc hủy bỏ hợp đồng vay.

Tòa án sơ thẩm đã nhận định số tiền 200.000.000 đồng ông N nhận là tiền hụi, như vậy không thể nói bà T đã trả đủ nợ gốc 300.000.000 đồng và sự giải thích của bà T về về tiền lãi 7.5000.000 đồng trả thêm là gian dối. Tòa án cho rằng ông N nhận 150.000.000 đồng của bà T là khoản tiền bà T trả nợ cho bà K nhưng bà K không chấp nhận trừ vào khoản nợ cho bà T , giữa bà T và ông N không có giao dịch gì, việc ông N giữ tiền của bà T là không có căn cứ nên buộc ông N trả lại tiền cho bà T là không thuyết phục. Bà K và bà T đã thỏa thuận cụ thể bằng văn bản về việc trả nợ, nên nếu có việc trả nợ thì bà K phải biết, ông N chỉ là người trung gian nhận tiền và giao lại. Tại toà án cấp sơ thẩm tuy bà K có lúc khai nhận số tiền 150.000.000 đồng nhận từ ông N , có lúc khai nhận từ bà T nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà K đã khẳng định nhận 150.000.000 đồng từ ông N nhưng là tiền ứng từ dây hụi ngày 01/8/2017. Như vậy toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng bà T đưa cho ông N để trả cho bà K là giao dịch tiền hụi nằm trong giao dịch chơi hụi giữa bà T và bà K. Giao dịch hụi đã được giải quyết bằng bản án dân sự có hiệu lực pháp luật. Việc bà T kiện đòi ông N trả lại số tiền trên là không có cơ sở.

Yêu cầu tòa phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu T về việc yêu cầu ông Lương Trọng N phải trả số tiền 150.000.000 đồng theo tin nhắn ngày 13/02/2018. Công nhận số tiền 150.000.000 đồng là tiền chơi hụi giữa bà T và bà K, huỷ bản án sơ thẩm và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vì tranh chấp hụi giữa bà T và bà K đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật số 161/2019/BS-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận X.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Trần Đình X là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày: Khoản tiền 200.000.000 đồng ông N nhận ngày 21/8/2017 và khoản tiền 150.000.000 đồng ông N xác nhận qua tin nhắn ngày 13/02/2018 không liên quan gì đến tiền hụi mà là khoản tiền bà T đưa cho ông N trả cho bà K để trừ vào số tiền bà T vay của bà K theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/07/2016. Tuy nhiên bà K đã khởi kiện đòi nợ bà T theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/07/2016 và đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X, bà K đòi nợ bà T mà không đề cập đến số tiền 350.000.000 đồng mà bà T đã đưa cho ông N để trả nợ. Do đó ông N và bà K có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà T .

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm còn trong thời hạn luật định.

- Về nội dung:

Bà T , ông N , bà K đều thừa nhận giữa bà K và bà T có quan hệ giao dịch chơi hụi và quan hệ giao dịch vay mượn tiền theo hợp đồng vay tiền ngày 22/7/2016. Giữa bà T và bà K trực tiếp giao dịch chơi hụi với nhau từ năm 2005 đến 2018 và giao dịch nhiều lần với số tiền hụi từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Hai bên thống nhất bà T và bà K trực tiếp giao dịch chơi hụi nhưng bà T có con dâu là bà V và bà K có con trai là ông N sẽ là người thực hiện thay khi có yêu cầu. Do đó ông N chỉ là người giao và nhận tiền dùm cho bà K và bà T , mọi giao dịch chơi hụi và vay mượn là giữa bà K và bà T không liên quan đến ông N .

Bà K đã thừa nhận có nhận từ ông N số tiền 200.000.000 đồng và 150.000.000 đồng mà bà T giao cho ông N nên không có căn cứ cho rằng ông N đã không giao số tiền trên cho bà T . Đồng thời ông N và bà T không có bất cứ giao dịch chơi hụi hay vay mượn nào. Do đó mọi tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp giữa bà T và bà K không liên quan đến ông N .

Theo tờ biên nhận do ông Lương Trọng N viết "Nhân đã nhận 200 triệu đồng của chị Trang ngày 21/8/2017" và tin nhắn "hôm nay ngày 13/2/2018 Nhân có nhận của chị Trang 150 triệu". Nội dung của giấy nhận tiền và tin nhắn trên cũng không xác định số tiền trên là tiền hụi hay trả nợ vay, bà K và ông N không thừa nhận là số tiền trả nợ vay, do đó không có căn cứ xác định số tiền trên là trả tiền nợ vay cho bà K theo hợp đồng vay ngày 22/7/2016.

Đồng thời, bà T cho rằng đã trả hết nợ vay cho bà K vào các ngày 21/8/2017 và ngày 13/2/2018. Nhưng tại các giấy biên nhận do ông N ký nhận thể hiện vào các ngày 10/3/2018, 01/4/2018, 01/5/2018, 01/6/2018, 01/7/2018, 01/8/2018 bà T còn tiếp tục trả tiền lãi 7.500.000 đồng là tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng vay cho toàn bộ số nợ gốc là 300.000.000 đồng. Bà T cho rằng bà T tiếp tục trả lãi thêm vì bà K cho rằng trước đó bà T trả lãi chưa đấy đủ, tuy nhiên bà T không nói rõ trả chưa đầy đủ là bao nhiêu, của tháng nào nhưng mà vẫn trả đủ trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là không phù hợp với thực tế. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của bà K và ông N về việc bà T chưa trả toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay là có căn cứ.

Tuy nhiên tòa án sơ thẩm cho rằng: Số tiền 200.000.000 đồng ông N nhận ngày 21/8/2017 là tiền hụi. Còn đối với số tiền 150.000.000 đồng đưa ông N ngày 13/02/2018 là để trả nợ cho bà K theo hợp đồng vay tiền ngày 22/07/2016 nhưng bà K không trừ vào khoản nợ cho bà T do đó buộc ông N trả lại số tiền 150.000.000 đồng cho bà T là không có cơ sở.

Tranh chấp số tiền hụi và tiền vay theo hợp đồng vay ngày 22/7/2016 giữa bà T và bà K đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X. Tranh chấp giữa bà T và ông N là "Tranh chấp đòi lại tài sản" do bà T cho rằng bà T đã giao số tiền 350.000.000 đồng cho ông N nhưng ông N không giao cho bà K và bà K không trừ vào số tiền nợ vay cho bà T , hai quan hệ tranh chấp là khác nhau.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lương Trọng N , sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Toà án nhân dân Quận X, TP.HCM theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc huỷ bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 25/8/2020 Toà án nhân dân Quận X xét xử và ban hành bản án số 247/2020/DS-ST. Ngày 09/6/2020 bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định và hợp lệ.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt bà K.

[2] *Về nội dung:* Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có cơ sở xác định giữa bà K và bà T có quan hệ giao dịch chơi hụi và quan hệ giao dịch vay mượn tiền theo hợp đồng vay tiền ngày 22/7/2016. Hai bên thống nhất bà T và bà K trực tiếp giao dịch chơi hụi nhưng bà T có con dâu là bà V và bà K có con trai là ông N sẽ là người thực hiện thay khi có yêu cầu. Do đó ông N chỉ là người giao và nhận tiền giùm cho bà K và bà T , mọi giao dịch chơi hụi và vay mượn là giữa bà K và bà T không liên quan đến ông N .

[2.2] Xét nội dung tờ biên nhận do ông Lương Trọng N viết "*Nhân đã nhận 200 triệu đồng của chị Trang ngày 21/8/2017*" và tin nhắn "*hôm nay ngày 13/2/2018 Nhân có nhận của chị Trang 150 triệu*". Do các bên khai đã chơi hụi với nhau từ nhiều năm, giao dịch nhiều lần với số tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, số tiền bà T giao cho ông N 02 lần vào ngày 21/8/2017 là 200.000.000 đồng và ngày 13/2/2018 là 150.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của bà T về số tiền giao dịch hụi và thời gian giao tiền trong giai đoạn hai bên còn chơi hụi. Mặt khác, nội dung của giấy nhận tiền và tin nhắn trên cũng không xác định số tiền trên là tiền hụi hay trả nợ vay, bà K và ông N không thừa

nhận là số tiền trả nợ vay, do đó không có căn cứ xác định số tiền trên là tiền bà T trả nợ vay cho bà K theo hợp đồng vay ngày 22/7/2016.

Mặt khác, bà T cho rằng đã trả hết nợ vay cho bà K (thông qua việc ông N nhận tiền) vào các ngày 21/8/2017 và ngày 13/2/2018. Nhưng tại các giấy biên nhận do bà T cung cấp có chữ ký nhận của ông N thể hiện vào các ngày 10/3/2018, 01/4/2018, 01/5/2018, 01/6/2018, 01/7/2018, 01/8/2018 bà T còn tiếp tục trả tiền lãi 7.500.000 đồng, đúng bằng số tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng vay cho toàn bộ số nợ gốc là 300.000.000 đồng. Bà T khai bà T tiếp tục trả lãi thêm 7.500.000 đồng tiền lãi vì bà K cho rằng trước đó bà T trả lãi chưa đầy đủ nên bà K yêu cầu trả thêm, tuy nhiên bà T không nói rõ trả chưa đầy đủ là bao nhiêu, của tháng nào nhưng mà vẫn trả đủ trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là không phù hợp với thực tế. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của bà K về việc bà T chưa trả toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở xác định số tiền 200.000.000 đồng ông N nhận của bà T vào ngày 21/8/2017 và 150.000.000 đồng ngày 13/2/2018 là số tiền bà T trả tiền vay cho bà K theo hợp đồng vay ngày 22/7/2016.

Về số tiền 200.000.000 đồng ông N nhận ngày 21/8/2017: Xét nội dung giấy nhận tiền ngày 21/8/2017 có ghi thêm con số *"254.000"* tại phiên toà, bà T giải thích đó là con số ngẫu nhiên trên tờ giấy có sẵn trước khi con dâu bà đưa ông N viết "đã nhận 200 triệu đồng của chị Trang ngày 21/8/2017" hoặc sau đó ai ngẫu nhiên thêm vào bà không nhớ, tuy nhiên giải thích này của bà T là không thuyết phục vì ông N khai ông viết trên tờ giấy trắng, chữ viết thêm này không phải là chữ ông N . Mặt khác, con số này trùng với con số ghi trên giấy chơi hụi ngày 01/9/2017. Chứng tỏ số tiền 200.000.000 đồng ông N nhận của bà T có liên quan đến giao dịch hụi giữa bà T và bà K. Toà án cấp sơ thẩm nhận định đây là tiền chơi hụi giữa bà T và bà K và đã được hai bên chốt lại theo giấy chốt hụi ngày 10/12/2018 do bà T lập và đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X. Do đó Toà án không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc ông N trả lại 200.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng ông N nhận theo tin nhắn ngày 13/02/2018: Toà án sơ thẩm xác định là tiền bà T trả nợ cho bà K theo hợp đồng vay tiền ngày 22/07/2016 nhưng bà K không trừ vào khoản nợ cho bà T do đó buộc ông N trả lại số tiền 150.000.000 đồng cho bà T là không có cơ sở, vì nếu bà T đã trả hết nợ gốc thì sau ngày 13/02/2018 không thể tiếp tục trả tiền lãi mỗi tháng 7.500.000 đồng trên số nợ gốc 300.000.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà K tại vụ án đã được xét xử tại bản án dân sự sơ thẩm số 161/2019/DSST ngày 20/5/2019 về việc *"bà T trả lãi không đầy đủ, đến tháng 11/2018 thì ngưng trả lãi"* để nhận định đây là tiền lãi bà T phải trả thêm sau khi đã trả hết tiền gốc cho bà K đúng như trình bày của bà T là không có cơ sở

và lời trình bày này cũng không được bà K thừa nhận. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về phần này theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà T .

[2.4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị Toà án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử vụ án vì tranh chấp hụi giữa bà T và bà K đã được giải quyết bằng bản án dân sự có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tranh chấp số tiền hụi 57.500.000 đồng và tiền vay 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 22/7/2016 giữa bà T và bà K đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật số 161/2019/DS-ST ngày 20/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận X, còn tranh chấp giữa bà T và ông N trong vụ án này là "Tranh chấp đòi lại tài sản" do bà T cho rằng bà T đã giao số tiền 350.000.000 đồng cho ông N nhưng ông N không giao cho bà K và bà K không trừ vào số tiền nợ vay cho bà T , đây là hai quan hệ tranh chấp là khác nhau do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Tại phiên toà phúc thẩm, các bên không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

Luật sư Trần Đình X là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng khoản tiền 350.000.000 đồng ông N nhận của bà T là tiền trả nợ vay nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh được đây là tiền trả nợ vay đồng thời cũng không đưa ra chứng cứ về việc bà T tiếp tục trả tiền lãi 7.500.000 đồng/tháng theo các giấy xác nhận ngày 10/3/2018, 01/4/2018, 01/5/2018, 01/6/2018, 01/7/2018, 01/8/2018 là trả lãi cho khoản tiền nào. Do đó lời trình bày của luật sư phía nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Toà án nhân dân Quận X theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên và xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đương sự kháng cáo bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, ông N không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; Bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lương Trọng N .

2. Sửa một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T về việc buộc ông Lương Trọng N trả số tiền 350.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm 17.500.000 đồng. Bà T đã nộp 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017982 ngày 20/11/2019 của chi cục thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T còn phải nộp thêm 8.750.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014997 ngày 09/9/2020 của chi cục thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; ông N được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014998 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Sang - Nguyễn Thị Lan Hương **Phan Thị Hằng**

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hằng